|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO**

**Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

| **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- |
| 1. **Dự thảo Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | |
| **Điều 1.** | Ban hành kèm theo Quyết định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng |
| **Điều 2.** | Quy định về thời gian hiệu lực. |
| **Điều 3.** | Quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thi hành. |
| 1. **Dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (kèm theo Quyết định)** | |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng chưa được quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gồm:  1. Các định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ các dụng cụ thu chứa của các cơ sở, tàu thuyền tại điểm neo đậu trên vịnh Cát Bà lên phương tiện thu gom đến địa điểm tập kết (trên bờ); Xúc chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới; Vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt.  2. Các định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn Tân Dân; Vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh;Vận hành cơ sở xử lý chất thải cồng kềnh tại Khu xử lý chất thải rắn Tràng Cát; Vận hành cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt.  3. Các định mức kinh tế - kỹ thuật vệ sinh công cộng: Thu gom thủ công chất thải rắn trên đường phố ban ngày; Quét, gom thủ công chất thải rắn trên đường phố; Duy trì thủ công dải phân cách; Duy trì cơ giới dải phân cách; Tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, chân cột điện, miệng cống hàm ếch; Quét rác đường phố bằng cơ giới; Tưới nước rửa đường; Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường; Duy trì nhà vệ sinh công cộng; Duy trì vệ sinh bãi biển, bãi cạn; Duy trì vệ sinh trên vịnh Cát Bà. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; không bao gồm tổ chức, cá nhân là chủ các khu/nhà máy/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn doanh nghiệp. |
| **Điều 3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật** | Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở:  - Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.  - Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị.  - Số liệu khảo sát về tình hình sử dụng lao động, máy móc, thiết bị, dụng cụ lao động, vật tư, nhiên liệu, năng lượng thực tế thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng.  - Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các văn bản pháp lý có liên quan đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt** | Giải thích các chữ viết tắt gồm: NC II.4; NC II.3,5; NC III.4; KS 3; LX 2; LX 3; LT 2; THSD; TG; VS; XL; CC. |
| **Điều 5. Quy định về sử dụng định mức kinh tế - kỹ thuật** | 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng là mức hao phí cần thiết về lao động; máy móc, thiết bị; dụng cụ lao động; vật liệu; năng lượng; nhiên liệu để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc theo quy trình kỹ thuật được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành.  2. Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng được áp dụng đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; phương tiện, địa bàn thu gom; phương tiện vận chuyển; công suất của các cơ sở tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình kỹ thuật được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành. Một quy trình kỹ thuật được áp dụng cho một hoặc nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật.  3. Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng bao gồm: mã hiệu, tên định mức, đơn vị tính, thành phần định mức, bảng định mức, điều kiện áp dụng (nếu có) để thực hiện công việc.  4. Định mức lao động là hao phí thời gian lao động cần thiết để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng. Định mức lao động trực tiếp bao gồm: lao động kỹ thuật, lao động phục vụ (lao động phổ thông); cụ thể:  - Lao động kỹ thuật là lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ có liên quan đến xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải. Lao động kỹ thuật trong Quyết định này là lao động nội nghiệp.  - Lao động phục vụ (lao động phổ thông) là lao động giản đơn để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng, bao gồm lao động trực tiếp sản xuất, lái xe.  - Định biên lao động là số lượng và cấp bậc lao động cụ thể của lao động kỹ thuật, lao động phục vụ để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trong một (01) ca làm việc. Việc xác định cấp bậc lao động được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).  - Các định mức lao động quy định chi tiết trong Quyết định này chưa bao gồm thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp theo quy định.  5. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị là số thời gian máy móc, thiết bị sử dụng trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng (không bao gồm bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị). Khấu hao tài sản cố định (máy móc, thiết bị) được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.  6. Định mức dụng cụ lao động là hao phí về dụng cụ lao động được sử dụng trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trong điều kiện chuẩn.  7. Định mức tiêu hao vật liệu là mức tiêu hao cho từng loại vật liệu cần thiết trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng.  8. Định mức tiêu hao năng lượng là nhu cầu sử dụng điện năng trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng.  9. Định mức tiêu hao nhiên liệu là nhu cầu sử dụng nhiên liệu trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng.  10. Một (01) công lao động, một (01) ca làm việc, một (01) ca sử dụng máy móc, thiết bị được tính bằng tám (08) giờ làm việc. |
| **Điều 6. Hướng dẫn áp dụng** | 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (không bao gồm các khu/nhà máy/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn doanh nghiệp) lập phương án giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.  2. Tổ chức, cá nhân là chủ các khu/nhà máy/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn doanh nghiệp thực hiện rà soát các định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt được ban hành tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT như sau:  a) Trường hợp định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành của nhà máy phù hợp với quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT, chủ các khu/nhà máy/cơ sở xử lý chất thải rắn cung cấp dịch vụ thực hiện áp dụng theo định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt được được ban hành tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT.  b) Trường hợp định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành của nhà máy không phù hợp với quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT, chủ các khu/nhà máy/cơ sở xử lý cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở lập phương án giá tối đa, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Uỷ ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định tại Luật giá năm 2024.  3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.  4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thông tin bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố quyết định. |
| **Điều 7. Công thức xác định định mức kinh tế - kỹ thuật** | Định mức kinh tế - kỹ thuật được tính toán, xác định theo hướng dẫn tại mục 8 Phần I Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt |
| **Điều 8.** **Thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ các dụng cụ thu chứa của các cơ sở, tàu thuyền tại điểm neo đậu trên vịnh Cát Bà lên phương tiện thu gom chuyển đến địa điểm tập kết (trên bờ)** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Thu gom chất thải rắn sinh hoạt; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc (gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao nhiên liệu).  Công tác này không có định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp; không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (tàu 105CV) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |
| **Điều 9.** **Xúc chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Xúc chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao nhiên liệu.  Công tác này không có định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp; không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Máy xúc lật, dung tích gầu 3,3m3) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |
| **Điều 10.** **Vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao năng lượng; Định mức tiêu hao nhiên liệu. |
| **Điều 11. Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn Tân Dân** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt; Sơ chế chất thải, ủ chất thải, lưu kho; Thu gom nước thải; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao năng lượng.  Công tác này không có định mức tiêu hao nhiên liệu là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Bơm phun hóa chất, khử mùi, vệ sinh, diệt ruồi muỗi, Máy thổi dọn vệ sinh, Máy băm rác hữu cơ (mini)) chỉ sử dụng năng lượng điện. |
| **Điều 12. Vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh** | - Các cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh gồm: cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại Khu xử lý chất thải rắn Tràng Cát; cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ; cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại Khu xử lý chất thải rắn Gia Minh; cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà.  - Điều này Quy định về quy trình kỹ thuật dùng chung cho các cơ sở chôn lấp (gồm: công tác chuẩn bị; Tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt; Xử lý chất thải; Kết thúc ca làm việc). Các định mức tiêu hao để thực hiện công việc được quy định riêng cho từng cơ sở xử lý, gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao năng lượng; Định mức tiêu hao nhiên liệu. |
| **Điều 13. Vận hành cơ sở xử lý chất thải cồng kềnh tại Khu xử lý chất thải rắn Tràng Cát** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Tiếp nhận và sơ chế chất thải cồng kềnh; Tái sử dụng và xử lý chất thải cồng kềnh; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao năng lượng.  Công tác này không có định mức định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp; không có định mức định mức tiêu hao nhiên liệu là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Máy cưa bàn trượt, Máy bổ củi, Máy nghiền + băng tải, Trạm cân) chỉ sử dụng năng lượng điện |
| **Điều** **14. Vận hành cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt** | - Các cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt gồm: cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý chất thải rắn Tràng Cát; cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ; cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý chất thải rắn Gia Minh; cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà; hành cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Bãi rác Đồ Sơn.  - Điều này Quy định về quy trình kỹ thuật dùng chung cho các cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt (gồm: công tác chuẩn bị; Xử lý nước thải; Kết thúc ca làm việc). Các định mức tiêu hao để thực hiện công việc được quy định riêng cho từng cơ sở xử lý, gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao năng lượng.  Công tác này không có định mức tiêu hao nhiên liệu là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Hệ thống xử lý nước thải) chỉ sử dụng năng lượng điện |
| Điều 15. Thu gom thủ công chất thải rắn trên đường phố ban ngày | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Thu gom thủ công chất thải rắn đường phố trên toàn bộ địa bàn được giao; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức dụng cụ lao động; Điều kiện áp dụng.  Định mức này không có định mức sử dụng máy móc, thiết bị do đây là công tác thực hiện thủ công, không sử dụng máy móc, thiết bị; không có định mức định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp; không có định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức tiêu hao năng lượng là do không có máy móc, thiết bị nào được sử dụng. |
| Điều 16. Quét, gom thủ công chất thải rắn trên đường phố | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Quét, thu gom thủ công chất thải rắn đường phố trên toàn bộ địa bàn được giao; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức dụng cụ lao động; Điều kiện áp dụng.  Định mức này không có định mức sử dụng máy móc, thiết bị do đây là công tác thực hiện thủ công, không sử dụng máy móc, thiết bị; không có định mức định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp; không có định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức tiêu hao năng lượng là do không có máy móc, thiết bị nào được sử dụng. |
| **Điều 17. Duy trì thủ công dải phân cách** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Duy trì thủ công dải phân cách; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức dụng cụ lao động; Điều kiện áp dụng.  Định mức này không có định mức sử dụng máy móc, thiết bị do đây là công tác thực hiện thủ công, không sử dụng máy móc, thiết bị; không có định mức định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp.  Công tác này không có định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức tiêu hao năng lượng là do không có máy móc, thiết bị nào được sử dụng. |
| Điều 18. Duy trì cơ giới dải phân cách | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Duy trì cơ giới dải phân cách; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao nhiên liệu.  Công tác này không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Ô tô quét hút dung tích 4 - 6 m3) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |
| **Điều 19.** **Tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, chân cột điện, miệng cống hàm ếch** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Tua vỉa hè, quét, thu gom chất thải rắn phế thải ở gốc cây, chân cột điện, miệng cống hàm ếch; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức dụng cụ lao động.  Định mức này không có định mức sử dụng máy móc, thiết bị do đây là công tác thực hiện thủ công, không sử dụng máy móc, thiết bị; không có định mức định mức tiêu hao vật liệu là do không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tiêu hao trực tiếp; không có định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức tiêu hao năng lượng là do không có máy móc, thiết bị nào được sử dụng. |
| **Điều 20. Quét rác đường phố bằng cơ giới** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Quét rác đường phố bằng cơ giới; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao nhiên liệu.  Công tác này không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Ô tô quét hút 3,3m3) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |
| **Điều 21. Tưới nước rửa đường** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Tưới nước rửa đường; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao nhiên liệu.  Công tác này không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Ô tô tưới nước 7m3) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |
| **Điều 22. Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao năng lượng.  Công tác này không có định mức tiêu hao nhiên liệu là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Máy bơm 2,2 kW) chỉ sử dụng năng lượng điện. |
| **Điều 23. Duy trì nhà vệ sinh công cộng** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Duy trì nhà vệ sinh công cộng; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu.  Định mức này không có định mức sử dụng máy móc, thiết bị do đây là công tác thực hiện thủ công, không sử dụng máy móc, thiết bị; không có định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức tiêu hao năng lượng là do không có máy móc, thiết bị nào được sử dụng. |
| **Điều 24. Duy trì vệ sinh bãi biển, bãi cạn** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Thu gom chất thải rắn trên bãi biển; Bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao nhiên liệu.  Công tác này không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Tàu 55CV) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |
| **Điều 25. Duy trì vệ sinh trên vịnh Cát Bà** | Quy định về quy trình kỹ thuật (gồm: công tác chuẩn bị; Duy trì vệ sinh trên vịnh; Bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; Kết thúc ca làm việc) và các định mức tiêu hao để thực hiện công việc gồm: Định mức lao động; Định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao nhiên liệu.  Công tác này không có định mức tiêu hao năng lượng là do máy móc, thiết bị sử dụng trong công tác (Tàu 52CV, Tàu 55CV) chỉ sử dụng nhiên liệu là dầu diesel. |